TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 237/2020/DS-PT Ngày 03-12-2020 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Trang

Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnhTây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2020 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T2, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 296 đường T3, ấp B, xã T4, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1969; Cùng cư trú tại: Số 6, hẻm 60 đường Đ, khu phố N, phường N1, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1989; Cùng cư trú tại: Số 6, hẻm 60 đường Đ, khu phố N, phường N1, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Ngọc A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày*:**

Bà V và ông T, bà T1 có mối quan hệ quen biết, Ngọc A1 và Hoàng A là con của ông T và bà T1.

Vào ngày 26/11/2018 bà V có cho ông T, bà T1 vay 580.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên có viết "Giấy cho mượn tiền" cùng ngày, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng hẹn đến ngày 06/12/2018 sẽ trả hết số tiền trên, có chữ ký và chữ viết của ông T, bà T1, anh Hoàng A và chị Ngọc A1. Ông T, bà T1 có trả được 01 tháng tiền lãi của tháng 11/2019 là 17.400.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Cùng ngày 26-11-2018 giữa bà V, ông T, bà T1, Hoàng A và Ngọc A1 có lập "Giấy thỏa thuận" có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh; nội dung thỏa thuận chuộc lại đất để sang tên cho Ngọc A1 vay tiền ngân hàng để trả tiền cho bà V, sau đó vay ngân hàng H được 900.000.000 đồng; đến ngày 11/12/2018 chỉ trả được 165.000.000 đồng tiền gốc, hiện nay còn nợ lại 415.000.000 đồng tiền gốc.

Nay bà V yêu cầu bà T1, ông T, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 415.000.000 đồng, yêu cầu lãi suất 20%/năm từ ngày vay tiền đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông T, bà T1 thống nhất có nợ bà V 580.000.000 đồng, có ký tên vào "Giấy cho mượn tiền" ngày 26/11/2018, đã trả được 165.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi đóng là 17.000.000 đồng. Hiện nay, ông T và bà T1 còn nợ lại bà V 415.000.000 đồng tiền gốc.

Nay bà V khởi kiện thì ông T, bà T1 đồng ý trả 415.000.000 đồng, xin không trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc A1 trình bày tại bản tự khai ngày 25/6/2020:

Ngày 26/11/2018 ông T bà T1 có mượn tiền của bà V 580.000.000 đồng và chị có ký tên trong giấy mượn tiền cùng ngày. Tuy nhiên, chị Ngọc A1 không có sử dụng số tiền trong khoản vay này.

Cùng ngày 26/11/2018 chị Ngọc A1 có ký tên trong giấy thỏa thuận chuộc lại đất và đất đã sang tên cho chị, sau khi chuộc lại đất đã trả cho bà V 165.000.000 đồng còn nợ lại 415.000.000 đồng tiền gốc.

Chị Ngọc A1 không đồng ý trả số tiền 415.000.000 đồng và lãi suất cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng A trình bày tại bản tự khai ngày 16/6/2020:

Ông T, bà T1 có vay tiền của bà V và anh có ký tên bảo lãnh trong "Giấy cho mượn tiền" ngày 26/11/2018. Ngày 06/12/2019 ông T, bà T1 trả được 165.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà V 415.000.000 đồng tiền gốc xin được trả dần hàng tháng do hoàn cảnh khó khăn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T2, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1, chị Nguyễn Thị Ngọc A1, anh Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 538.229.000 (Năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Trong đó tiền gốc là 415.000.000 (Bốn trăm mười lăm triệu) đồng, tiền lãi là 123.229.000 (Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2020, chị Nguyễn Thị Ngọc A1 có đơn kháng cáo xin không đóng tiền lãi số tiền 123.229.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc A1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/8/2020 chị Nguyễn Thị Ngọc A1 có đơn kháng cáo với bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T2, ngày 12/8/2020 Tòa án tống đạt bản án cho chị A1 do bà T1 nhận thay và cam kết giao cho chị A1, do đó kháng cáo của chị A1 là hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[2] Ngày 26/11/2018 ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1, chị Nguyễn Thị Ngọc A1 và anh Nguyễn Hoàng A có ký "giấy cho mượn tiền" để vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 580.000.000 đồng; thời hạn đến ngày 06/12/2018, lãi suất thỏa thuận 3%/

tháng; giấy cho mượn tiền do ông T viết. Sau khi vay tiền, ông T và bà T1 đã trả được cho bà V 17.400.000 đồng tiền lãi, từ ngày 11/12/2018 thì ngưng không trả lãi nữa.

Cùng ngày 26/11/2018 bà V và ông T, bà T1, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A lập thêm giấy thỏa thuận có chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T2 thể hiện nội dung: Ông T, bà T1, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A xin chuộc lại phần đất mà bà V đã mua trước đó với giá 580.000.000 đồng để sang tên cho chị Ngọc A1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay ngân hàng trả tiền cho bà V trong thời hạn 30 ngày. Tuy nhiên, ngày 11/12/2018 ông T bà T1 chỉ trả được 165.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 415.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra, ông T, bà T1, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A cùng thống nhất thừa nhận còn nợ bà V số tiền 415.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà T1, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền 415.000.000 đồng và tiền lãi 123.229.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc A1 xin không đóng tiền lãi số tiền 123.229.000 đồng thấy rằng: ông T, bà T1, chị Ngọc A1 và anh Hoàng A cùng thống nhất thừa nhận còn nợ bà V số tiền 415.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi; yêu cầu không đóng tiền lãi thuộc sự thỏa thuận của các đương sự và tại phiên tòa phúc thẩm bà V không đồng ý với yêu cầu xin không đóng tiền lãi của chị A1, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét kháng cáo của chị A1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc A1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T2, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1, chị Nguyễn Thị Ngọc A1, anh Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 538.229.000 (Năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Trong đó tiền gốc là 415.000.000 (Bốn trăm mười lăm triệu) đồng, tiền lãi là 123.229.000 (Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1, chị Nguyễn Thị Ngọc A1, anh Nguyễn Hoàng A phải chịu 25.529.000 (Hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V 10.300.000 (Mười triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000024 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T2, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc A1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A1 đã nộp theo biên lai thu số 0000472 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T2, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Tuấn Vũ

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Diễm.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng Tới yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Đỗ Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 01-11-2014, anh Tới tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp cho đến khi con chung thành niên.

Anh Đỗ Hoàng Tới có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng Tới phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003949 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, anh Tới đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu từ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004451 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Diễm đã nộp xong

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Vũ